

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tím.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Giang Nam và ông Nguyễn Quang Châu.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Văn Nhượng – Thư ký TAND huyện Krông Nô.

Đại diện VKSND huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng – chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2017/LTST-HS, ngày 29 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: Trần Thị Kim B, sinh năm 1983 tại tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp trước khi bị khởi tố: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; con ông Trần S (Không rõ năm sinh) và con bà Hoàng Thị X, sinh năm 1954; chồng Nguyễn Xuân T (Bị cáo trong vụ án); Bị cáo có 03 người con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2006. Tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng Bện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 17, ngày 19/6/2017 của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Krông Nô - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Xuân T, sinh năm 1971 tại Quảng Trị; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông ; nghề nghiệp trước khi bị khởi tố: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1942 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1942; vợ Trần Thị Kim B (Bị cáo trong vụ án); Bị cáo có 03 người con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng Bện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 16, ngày 19/6/2017 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Krông Nô – Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Người bị hại: Bà Lê Thị G (Có mặt) và ông Đặng Ngọc L (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn Bện tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2014 bà Lê Thị G vay tiền của Trần Thị Kim B, hẹn đến cuối năm 2015 bà G sẽ thanh toán nợ cho Trần Thị Kim B. Tuy nhiên đến hạn trả nợ bà G không trả nợ, mặc dù Trần Thị Kim B đã nhiều lần yêu cầu bà G trả nợ. Vào khoảng 7 giờ 30 phút ngày

24/11/2016, B đến nhà bà G đòi nợ, lúc này bà G đang phơi cà phê, B nói với bà G “Bà coi trả nợ cho tui”, thì bà G trả lời “Từ từ cà phê khô đã”, B liền nói “Cà phê đâu nữa mà khô, bà bán hết rồi còn đâu nữa mà khô, bà láo, lừa tui, bà mà không trả tui đưa đơn ra tòa”, nghe vậy bà G nói “Mi đưa đi”. Nghe bà G nói vậy B về nhà nói với chồng (Nguyễn Xuân T) “chạy xe đến nhà L, G xúc cà, nợ nần không trả mà còn thách đồ” và B lấy một cái chậu nhựa màu xanh, 01 dụng cụ xúc nông sản bỏ lên thùng xe, rồi đi bộ đến nhà bà G trước. Sau đó Nguyễn Xuân T điều khiển xe cang Bến kiểm soát: 48MK1 – 00.638 đến nhà bà G, lùi đuôi xe vào đóng cà phê của bà G để trong bạt ở trên nền sân. Lúc này B nói với bà G “Bà không trả nợ tui, tui xúc cà”, nói xong B lấy dụng cụ xúc nông sản xúc cà phê lên thùng xe cang. Thấy vậy bà G đứng chửi, mặc cho bà G chửi, B vẫn xúc cà phê đổ lên thùng xe, khi xúc ở bạt gần hết, B qua nhà hàng xóm của bà G mượn cái Trang (dụng cụ dùng để cào cà phê thành đồng hoặc cào từ đồng ra) đi ra chỗ cà phê mà bà G phơi và cào thành đồng xúc tiếp. Thấy vậy bà G lấy một cái Trang khác cào ra mục đích không cho B xúc. Sau đó B nói T lại cào thành đồng và B xúc đổ lên xe cang. Thấy vợ chồng B, T quyết tâm lấy cà phê nên bà G bảo cháu ngoại là Phạm Văn T1 (07 tuổi) đi gọi ông Đặng Ngọc L (chồng bà G) về. B xúc được lưng thùng xe cang thì T điều khiển xe chở cà phê về. Sau đó bà G gọi chồng về và đến Công an xã trình báo, công an xã Đ đến nhà Nguyễn Xuân T, Trần Thị Kim B lập Biên bản và thu giữ số lượng cà phê mà B, T đã chiếm đoạt của bà G là 280 kg cà phê vỏ chưa khô.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/BB – KLĐG, ngày 26/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Krông Nô kết luận: 280 kg cà phê vỏ chưa khô kỹ giá trị tại thời điểm các bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt là 4.928.000 đồng (Bốn triệu chín trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Vật chứng của vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô đã thu giữ vật chứng gồm: 280 kg cà phê vỏ chưa khô kỹ; 01 dụng cụ dùng để xúc nông sản.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường theo quy định của pháp luật.

Cáo trạng số 41/CTr-VKS, ngày 27/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đã truy tố các bị cáo Trần Thị Kim B, Nguyễn Xuân T về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 137 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Thị Kim B, Nguyễn Xuân T phạm tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng: Khoản 1 Điều 137; các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 172; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim B từ 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả cho chủ sở hữu hợp pháp 280 kg cà phê vò chưa khô kỹ;

Tịch thu tiêu hủy 01 dụng cụ xúc nông sản (vật chứng có đặc điểm như Bên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan công an huyện Krông Nô và Chi cục thi hành án dân sự huyện).

Đối với chiếc máy kéo (xe cày), Bền kiểm soát 48.MK1 – 00.638 của anh Nguyễn Xuân H. Do anh H không Bết các bị cáo sử dụng chiếc xe của mình làm phương tiện phạm tội nên không có cơ sở để xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc các bị cáo đồng ý bồi thường cho người bị hại 280 kg cà phê vò có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 4.928.000 đồng

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Nô, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lợi dụng bà Lê Thị G ở nhà một mình, vào lúc khoảng 7 giờ 30 phút ngày 24/12/2016, các bị cáo Trần Thị Kim B, Nguyễn Xuân T đã đưa xe cày Bền kiểm soát 48.MK1 - 00638 đến nhà bà G xúc cà phê mà bà G đang phơi, với số lượng là 280 kg, có giá trị tại thời điểm mà các bị cáo chiếm đoạt là 4.928.000 đồng. Như vậy, với hành vi các bị cáo đã thực hiện, giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt, các bị cáo đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô truy tố về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 137 của Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật, không oan.

Điều 137 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào công nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

[3]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra:

3.1. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra thì mới đủ để giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa chung trong xã hội.

3.2. Trong vụ án này có nhiều bị cáo, vai trò của các bị cáo là khác nhau. Bị cáo B là người rủ rờ bị cáo T cùng tham gia, đồng thời B cũng là người trực tiếp xúc cà phê của gia

đình bà G. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo B mức hình phạt cao hơn bị cáo T.

3.3. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo B đã nộp cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô số tiền 4.928.000 đồng để bồi thường khắc phục hậu quả do các bị cáo gây ra. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p, h khoản 1, Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo. Ngoài ra, do chính sách pháp luật hình sự của Nhà nước ta hiện nay có sự thay đổi theo hướng có lợi cho bị cáo theo khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng quy định có lợi về hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 172 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra người bị hại bà Lê Thị G chưa yêu cầu các bị cáo bồi thường. Tại phiên Tòa bà G yêu cầu các bị cáo phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra đã chứng minh được số cà phê mà các bị cáo đã chiếm đoạt của gia đình người bị hại là 280 kg cà phê vỏ chưa khô kỹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho người bị hại 280 kg cà phê có giá trị tại thời điểm các bị cáo chiếm đoạt là 4.928.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo chấp nhận bồi thường cho người bị hại giá trị của 280 kg cà phê vỏ là 4.928.000 đồng.

[5] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Krông Nô thu giữ 280 kg cà phê vỏ chưa khô, quá trình bảo quản thì cà phê đã bị hao hụt từ 280kg xuống còn 241 kg. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự: trả lại 241kg cà phê vỏ cho bà Lê Thị G, ông Đặng Ngọc L là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với 01 dụng cụ xúc nông sản, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS và Điều 41 Bộ luật hình sự.

Đối với chiếc máy kéo (xe cày), Bên kiểm soát 48.MK1 – 00.638 của anh Nguyễn Xuân H. Do anh H không Bết các bị cáo sử dụng chiếc xe của mình làm phương tiện phạm tội nên không có cơ sở để xử lý

[6]. Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Thị Kim B, Nguyễn Xuân T phạm tội “**Công nhiên chiếm đoạt tài sản**”.

Áp dụng khoản 1 Điều 137, các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999, khoản 1 Điều 172, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim B 09 tháng tù, nhưng được hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 06 tháng tù, nhưng được hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật dân sự buộc các bị cáo Trần Thị Kim B, Nguyễn Xuân T phải liên đới bồi thường cho người bị hại bà Lê Thị G, ông Đặng Ngọc L số tiền 4.928.000 đồng, trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 2.464.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 4.928.000 đồng được tạm gửi tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo ủy nhiệm chi số 10 ngày 29/11/2017.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự

- Trả lại 241kg cà phê vỏ cho bà Lê Thị G, ông Đặng Ngọc L là chủ sở hữu hợp pháp.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 dụng cụ xúc nông sản.

(Tất cả vật chứng có đặc điểm như Bên bản giao nhận vật chứng ngày 08/9/2017 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án huyện Krông Nô).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Trần Thị Kim B, Nguyễn Xuân T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 – Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 – Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được bổ sung năm 2014, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở TP tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Công an huyện Krông Nô;
- Bộ phận HSNVCS (CA huyện);
- THADS huyện Krông Nô;
- Các Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Tím

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

